

Thái Nguyên, ngày 28 tháng 02 năm 2025

BÁO CÁO KẾT QUẢ THẨM TRA QUYẾT TOÁN VỐN ĐẦU TƯ DỰ ÁN HOÀN THÀNH

Công trình: Cải cố, nâng cấp tuyến Đê Chã huyện Phổ Yên (nay là thành phố Phổ Yên) (đoạn từ đầu đường ứng cứu đến K3+100)

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

Theo Tờ trình số 45/TTr-CCTL ngày 02/8/2024 của Chi cục Thủy lợi V/v đề nghị phê duyệt quyết toán công trình: Củng cố, nâng cấp tuyến Đê Chã huyện Phô Yên (đoạn từ đầu đường ứng cứu đến K3+100; Báo cáo quyết toán dự án hoàn thành do chủ đầu tư gửi Sở Tài chính thẩm tra, phê duyệt quyết toán.và Biên bản thống nhất số liệu với chủ đầu tư lập ngày 25/02/2025, Sở Tài chính báo cáo kết quả thẩm tra quyết toán dự án hoàn thành như sau:

Chủ đầu tư: Chi cục Thủy lợi.

Loại và công trình: Công trình đề điều kết hợp giao thông, cấp III.

Địa điểm xây dựng: huyện Phổ Yên (nay là thành phố Phổ Yên) tỉnh Thái Nguyên

Thời gian thực hiện thực tế: năm 2014-2023.

I. Các căn cứ để tiến hành thẩm tra quyết toán dự án:

Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23/6/2023;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng số 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

Căn cứ Nghị định số 23/2024/NĐ-CP ngày 27/02/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều và biện pháp thi hành Luật đấu thầu về lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án thuộc trường hợp phải tổ chức đấu thầu theo quy định của pháp luật quản lý ngành, lĩnh vực;

Căn cứ Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ quy định chi tiết về quản lý chất lượng thi công xây dựng, bảo trì dự án đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ quy định về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/03/2021 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021 của Chính phủ quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công;

Căn cứ Thông báo số 275/TB-VPCP ngày 03/9/2009 của Văn phòng Chính phủ Thông báo Kết luận của Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Tấn Dũng tại buổi làm việc với lãnh đạo tỉnh Thái Nguyên;

Căn cứ công văn số 1520/UBND-NLN ngày 10/9/2009 của UBND tỉnh về việc lập dự án củng cố nâng cấp đê điều tỉnh Thái Nguyên;

Căn cứ Quyết định số 449/QĐ-UBND ngày 04/3/2010 của UBND tỉnh V/v phê duyệt Dự án đầu tư xây dựng công trình: Củng cố, nâng cấp hệ thống đê điều kết hợp làm đường giao thông tỉnh Thái Nguyên;

Căn cứ Quyết định số 779/QĐ-UBND ngày 16/4/2012 của UBND tỉnh V/v phê duyệt điều chỉnh tổng mức đầu tư dự án: Củng cố, nâng cấp hệ thống đê điều kết hợp làm đường giao thông tỉnh Thái Nguyên;

Căn cứ Quyết định số 2217/QĐ-UBND ngày 25/10/2013 của UBND tỉnh V/v phê duyệt lại dự án đầu tư xây dựng công trình: Củng cố, nâng cấp tuyến Đê Chã huyện Phổ Yên (đoạn từ đầu đường ứng cứu đến K3+100);

Căn cứ Quyết định số 240/QĐ-UBND ngày 25/01/2014 của UBND tỉnh V/v phê duyệt Kế hoạch đấu thầu tư vấn khảo sát, thiết kế BVTC-Dự toán công trình: Củng cố, nâng cấp tuyến Đê Chã huyện Phổ Yên (đoạn từ đầu đường ứng cứu đến K3+100);

Căn cứ công văn số 2976/UBND-KTN ngày 25/3/2014 của UBND tỉnh V/v chủ trương điều chỉnh, TKCS công trình: Củng cố, nâng cấp tuyến Đê Chã huyện Phổ Yên (đoạn từ đầu đường ứng cứu đến K3+100);

Căn cứ công văn số 1681/UBND-KTN ngày 03/7/2014 của UBND tỉnh V/v chấp thuận yếu tố kỹ thuật và cấp đường đối với công trình: Củng cố, nâng cấp tuyến Đê Chã huyện Phổ Yên (đoạn từ đầu đường ứng cứu đến K3+100);

Căn cứ Quyết định số 301/QĐ-CCTL ngày 29/7/2014 của Chi cục Thủy lợi V/v phê duyệt Thiết kế bản vẽ thi công - Dự toán công trình: Củng cố, nâng cấp tuyến Đê Chã huyện Phổ Yên (đoạn từ đầu đường ứng cứu đến K3+100);

Căn cứ Quyết định số 2001/QĐ-UBND ngày 10/8/2014 của UBND tỉnh V/v phê duyệt Kế hoạch đấu thầu tổng thể dự án: Củng cố, nâng cấp tuyến Đê Chã huyện Phổ Yên (đoạn từ đầu đường ứng cứu đến K3+100);

Căn cứ công văn số 1224/UBND-KTN ngày 20/5/2015 của UBND tỉnh V/v chủ trương điều chỉnh thiết kế cơ sở Dự án: Củng cố, nâng cấp tuyến Đê Chã huyện Phổ Yên (đoạn từ đầu đường ứng cứu đến K3+100);

Căn cứ công văn số 2581/UBND-CNN ngày 27/7/2016 của UBND tỉnh V/v chủ trương bổ sung hạng mục công trình: Củng cố, nâng cấp tuyến Đê Chã huyện Phổ Yên;

Căn cứ Quyết định số 89/QĐ-CCTL ngày 27/9/2016 của Chi cục Thủy lợi V/v phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu tư vấn khảo sát, lập dự án Hạng mục bổ sung: Nâng cấp, cải tạo tuyến đường từ xóm Trại đến K2+900 tuyến đê Chã thị xã Phổ Yên thuộc Dự án: Củng cố, nâng cấp tuyến Đê Chã huyện Phổ Yên (đoạn từ đầu đường ứng cứu đến K3+100);

Căn cứ Quyết định số 2922/QĐ-UBND ngày 01/11/2016 của UBND tỉnh V/v phê duyệt điều chỉnh, bổ sung hạng mục, cơ cấu tổng mức đầu tư dự án: Củng cố, nâng cấp tuyến Đê Chã huyện Phổ Yên (đoạn từ đầu đường ứng cứu đến K3+100);

Căn cứ Quyết định số 3534/QĐ-UBND ngày 23/12/2016 của UBND tỉnh V/v phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu tư vấn khảo sát, thiết kế bản vẽ thi công và dự toán hạng mục bổ sung thuộc dự án: Củng cố, nâng cấp tuyến Đê Chã huyện Phổ Yên (đoạn từ đầu đường ứng cứu đến K3+100);

Căn cứ Quyết định số 282/QĐ-UBND ngày 08/02/2017 của UBND tỉnh V/v phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công và dự toán hạng mục bổ sung Nâng cấp, cải tạo tuyến đường từ xóm Trại đến K2+900 tuyến đê Chã thị xã Phổ Yên thuộc dự án: Củng cố, nâng cấp tuyến Đê Chã huyện Phổ Yên (đoạn từ đầu đường ứng cứu đến K3+100);

Căn cứ Quyết định số 32/QĐ-CCTL ngày 23/02/2017 của Chi cục Thủy lợi V/v phê duyệt điều chỉnh cơ cấu Tổng dự toán công trình: Củng cố, nâng cấp tuyến Đê Chã huyện Phổ Yên (đoạn từ đầu đường ứng cứu đến K3+100);

Căn cứ Quyết định số 512/QĐ-UBND ngày 06/3/2017 của UBND tỉnh V/v phê duyệt điều chỉnh giá gói thầu và thời gian thực hiện hợp đồng các gói thầu thuộc công trình: Củng cố, nâng cấp tuyến Đê Chã huyện Phổ Yên (đoạn từ đầu đường ứng cứu đến K3+100);

Căn cứ Quyết định số 3497/QĐ-UBND ngày 09/11/2017 của UBND tỉnh V/v phê duyệt điều chỉnh cơ cấu nguồn vốn đầu tư dự án: Củng cố, nâng cấp tuyến Đê Chã huyện Phổ Yên (đoạn từ đầu đường ứng cứu đến K3+100);

Căn cứ công văn số 508/UBND-QHXD ngày 12/02/2018 của UBND tỉnh V/v chủ trương điều chỉnh bổ sung gói thầu số 02 thuộc dự án: Củng cố, nâng cấp tuyến Đê Chã huyện Phổ Yên (đoạn từ đầu đường ứng cứu đến K3+100);

Căn cứ Quyết định số 1786/QĐ-UBND ngày 26/6/2018 của UBND tỉnh V/v phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công và dự toán điều chỉnh bổ sung gói thầu số 02: Xây lắp, ATGT đoạn từ Km1 đến Km3+100 (thuộc dự án: Củng cố, nâng cấp tuyến Đê Chã huyện Phổ Yên (đoạn từ đầu đường ứng cứu đến K3+100));

Căn cứ Quyết định số 71/QĐ-CCTL ngày 29/6/2018 của Chi cục Thủy lợi V/v phê duyệt điều chỉnh cơ cấu Tổng dự toán công trình: Củng cố, nâng cấp tuyến Đê Chã huyện Phổ Yên (đoạn từ đầu đường ứng cứu đến K3+100);

Căn cứ Quyết định số 185/QĐ-UBND ngày 22/01/2019 của UBND tỉnh V/v phê duyệt điều chỉnh thời gian thực hiện dự án: Củng cố, nâng cấp tuyến Đê Chã huyện Phổ Yên (đoạn từ đầu đường ứng cứu đến K3+100);

Căn cứ công văn số 4627/UBND-CNN ngày 05/11/2019 của UBND tỉnh V/v một số nội dung liên quan đến việc thực hiện hợp đồng với nhà thầu Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng Nam Hải;

Căn cứ công văn số 948/UBND-TH ngày 26/3/2020 của UBND tỉnh V/v bổ sung hạng mục dự án Củng cố, nâng cấp tuyến Đê Chã huyện Phổ Yên (đoạn từ đầu đường ứng cứu đến K3+100);

Căn cứ Quyết định số 1334/QĐ-UBND ngày 12/5/2020 của UBND tỉnh V/v phê duyệt dự toán khảo sát, lập dự án Hạng mục bổ sung: Nâng cấp, mở rộng đoạn đường đê nối tiếp từ K3+100, Dự án: Củng cố, nâng cấp tuyến Đê Chã huyện Phổ Yên (nay là thị xã Phổ Yên) (đoạn từ đầu đường ứng cứu đến K3+100);

Căn cứ Quyết định số 2004/QĐ-UBND ngày 03/7/2020 của UBND tỉnh V/v phê duyệt điều chỉnh bổ sung dự án: Củng cố, nâng cấp tuyến Đê Chã huyện Phổ Yên (đoạn từ đầu đường ứng cứu đến K3+100);

Căn cứ Quyết định số 2074/QĐ-UBND ngày 09/7/2020 của UBND tỉnh V/v phê duyệt dự toán khảo sát, lập thiết kế bản vẽ thi công và dự toán Hạng mục bổ sung: Nâng cấp, mở rộng đoạn đường đê nối tiếp từ K3+100, Dự án: Củng cố, nâng cấp tuyến Đê Chã huyện Phổ Yên (đoạn từ đầu đường ứng cứu đến K3+100);

Căn cứ Quyết định số 2176/QĐ-UBND ngày 17/7/2020 của UBND tỉnh V/v phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu các gói thầu thuộc Hạng mục bổ sung: Nâng cấp, mở rộng đoạn đường đê nối tiếp từ K3+100, thuộc Dự án: Củng cố, nâng cấp tuyến Đê Chã huyện Phổ Yên (đoạn từ đầu đường ứng cứu đến K3+100);

Căn cứ Quyết định số 2467/QĐ-UBND ngày 10/8/2020 của UBND tỉnh V/v phê duyệt điều chỉnh, bổ sung dự án: Củng cố, nâng cấp tuyến Đê Chã huyện Phổ Yên (nay là thị xã Phổ Yên) (đoạn từ đầu đường ứng cứu đến K3+100) và thiết kế bản vẽ thi công - dự toán Hạng mục bổ sung: Nâng cấp, mở rộng đoạn đường đê nối tiếp từ K3+100, thuộc Dự án: Củng cố, nâng cấp tuyến Đê Chã huyện Phổ Yên (đoạn từ đầu đường ứng cứu đến K3+100);

Căn cứ Quyết định số 4143/QĐ-UBND ngày 30/12/2020 của UBND tỉnh V/v phê duyệt điều chỉnh thời gian thực hiện dự án: Củng cố, nâng cấp tuyến Đê Chã huyện Phổ Yên (đoạn từ đầu đường ứng cứu đến K3+100);

Căn cứ Quyết định số 3962/QĐ-UBND ngày 11/12/2021 của UBND tỉnh V/v phê duyệt điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng công trình: Củng cố, nâng cấp tuyến Đê Chã huyện Phổ Yên (đoạn từ đầu đường ứng cứu đến K3+100);

Căn cứ Quyết định số 3399/QĐ-UBND ngày 30/12/2022 của UBND tỉnh V/v phê duyệt điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng công trình: Củng cố, nâng cấp tuyến Đê Chã huyện Phổ Yên (đoạn từ đầu đường ứng cứu đến K3+100);

Căn cứ công văn số 6101/UBND-CNN&XD ngày 28/11/2023 của UBND tỉnh V/v chủ trương điều chỉnh dự án: Củng cố, nâng cấp tuyến Đê Chã huyện Phổ Yên (nay là thành phố Phổ Yên) (đoạn từ đầu đường ứng cứu đến K3+100);

Căn cứ Quyết định số 3295/QĐ-UBND ngày 22/12/2023 của UBND tỉnh V/v phê duyệt điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng công trình: Củng cố, nâng cấp tuyến Đê Chã huyện Phổ Yên (nay là thành phố Phổ Yên) (đoạn từ đầu đường ứng cứu đến K3+100);

Căn cứ Thông báo kết quả kiểm tra công tác nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình, công trình xây dựng số 320/SGTVT-QLCLCT&ATGT ngày 31/01/2024 của Sở Giao thông Vận tải tỉnh Thái Nguyên;

Căn cứ kết quả thanh tra của Đoàn Thanh tra Bộ Kế hoạch và Đầu tư tại Biên bản làm việc ngày 19/4/2017; Kết luận số 89/KL-TTtr ngày 26/3/2018 của Thanh tra Bộ Xây dựng Kết luận việc chấp hành quy định pháp luật về xây dựng của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Thái Nguyên, công tác quản lý

dự án đầu tư xây dựng tại các dự án...; Thông báo số 784/TB-KVX ngày 12/11/2021 của Kiểm toán Nhà nước Khu vực X Thông báo kết quả kiểm toán tại Chi cục Thuỷ lợi Thái Nguyên.

I. Thẩm tra hồ sơ pháp lý của dự án;

1. Trình tự lập và duyệt văn bản, thẩm quyền phê duyệt văn bản: Đúng trình tự và thẩm quyền phê duyệt.

2. Việc chấp hành trình tự đầu tư và xây dựng theo quy định của pháp luật về đầu tư và xây dựng: Cơ bản chấp hành đúng quy định.

3. Việc chấp hành trình tự lựa chọn thầu của các gói thầu theo quy định: Cơ bản tuân thủ luật đấu thầu và các văn bản hướng dẫn

4. Việc thương thảo và ký kết các hợp đồng giữa chủ đầu tư với các nhà thầu tư vấn, xây dựng...so với các quy định của pháp luật về hợp đồng và quyết định trúng thầu; hình thức giá hợp đồng phải tuân thủ đúng quyết định trúng thầu của cấp có thẩm quyền và là cơ sở cho việc thẩm tra quyết toán theo hợp đồng: Chủ đầu tư cơ bản chấp hành các quy định của nhà nước về quản lý đầu tư xây dựng.

II. Thẩm tra nguồn vốn đầu tư của dự án:

1. Cơ cấu vốn đầu tư thực hiện so với cơ cấu vốn được xác định trong tổng mức vốn đầu tư được duyệt: Thực hiện đúng cơ cấu vốn đầu tư trong tổng mức đầu tư được duyệt.

2. Tình hình thực hiện kế hoạch vốn đầu tư hàng năm so với kế hoạch được duyệt: Chủ đầu tư thực hiện kế hoạch vốn phù hợp với kế hoạch vốn được duyệt.

3. Đối chiếu số liệu vốn thanh toán hàng năm của chủ đầu tư và cơ quan thanh toán: Có đối chiếu số liệu thanh toán với cơ quan thanh toán.

4. Kiểm tra việc điều chỉnh tăng, giảm vốn đầu tư của dự án đã được cấp có thẩm quyền cho phép so với chế độ và thẩm quyền quy định: Thực hiện đúng quy định.

5. Việc chấp hành các quy định về việc cấp vốn, thanh toán; việc quản lý và sử dụng các loại nguồn vốn đầu tư của dự án: Chủ đầu tư thực hiện theo quy định.

IV. Kết quả thẩm tra vốn đầu tư và chi phí đầu tư thực hiện dự án

1. Chi phí đầu tư

Đơn vị tính: đồng

STT	Nội dung chi phí	Dự toán điều chỉnh lần cuối	Giá trị đề nghị quyết toán	Giá trị thẩm tra	Chênh lệch
	Tổng số	147.241.371.164	142.046.138.111	141.195.151.221	-850.986.890
I	Chi phí bồi thường GPMB	29.493.291.363	27.957.141.309	27.957.141.271	-38

STT	Nội dung chi phí	Dự toán điều chỉnh lần cuối	Giá trị đề nghị quyết toán	Giá trị thẩm tra	Chênh lệch
	Trích đo bản đồ phục vụ GPMB		136.097.838	136.097.800	-38
	Chi phí hỗ trợ, bồi thường GPMB		27.821.043.471	27.821.043.471	0
II	Chi phí xây dựng	105.608.224.781	103.846.685.023	103.351.251.182	-495.433.841
1	Thi công xây lắp gói 01 (đoạn từ đầu đường ứng cứu đến K1- Công ty Hữu Huệ)	30.841.639.942	30.841.639.942	30.750.025.488	-91.614.454
2	Thi công xây lắp gói 02 (Công ty Linh Bình) Đoạn từ K1 đến K3+100	42.682.524.907	33.715.135.813	33.505.869.974	-209.265.839
3	Thi công xây lắp gói 02 (Công ty Nam Hải)		7.385.200.792	7.385.200.792	0
4	Thi công xây lắp gói bổ sung Đoạn từ K3+100 - K3+600 (Công ty Linh Bình)	10.661.995.470	10.623.631.743	10.429.078.195	-194.553.548
5	Thi công xây lắp gói bổ sung Đoạn từ K3+600 - K4+800 (Công ty Hữu Huệ)	21.422.064.462	21.281.076.733	21.281.076.733	0
III	Chi quản lý dự án	1.581.016.000	1.581.016.000	1.581.016.000	0
	Chi cục Thủy lợi	1.581.016.000	1.581.016.000	1.581.016.000	0
IV	Chi phí tư vấn	6.398.541.901	6.037.866.637	5.858.257.786	-179.608.851
1	Chi phí khảo sát (lập dự án đầu tư)	615.131.561	497.772.254	497.772.000	-254
2	Chi phí lập dự án đầu tư đoạn từ xóm Trại...		19.328.052	19.038.599	-289.453
3	Khảo sát Đoạn từ xóm Trại đến K2+900	11.506.000	11.182.381	11.182.381	0
4	CP lập thiết kế BVTC Đoạn từ xóm Trại đến K2+900	48.412.000	48.411.993	46.352.648	-2.059.345
5	Chi phí khảo sát, TKBVTC và DT gói 1 (Đoạn từ đầu đường ứng cứu đến K1)	1.094.529.999	1.081.482.686	1.080.985.819	-496.867

STT	Nội dung chi phí	Dự toán điều chỉnh lần cuối	Giá trị đề nghị quyết toán	Giá trị thẩm tra	Chênh lệch
6	Chi phí khảo sát, ITKBVTC gói 2 (Đoạn từ K1 đến K3+100)	1.364.293.466	1.271.803.466	1.271.803.466	0
7	Chi phí khảo sát, lập báo cáo nghiên cứu khả thi (bổ sung) (từ xóm Trại đến K2+900)	138.253.935	350.828.000	350.828.000	0
8	Chi phí khảo sát, TKBVTC DT bổ sung	212.574.721			
9	Chi phí tư vấn lập hồ sơ mời thầu, đánh giá HSDT (đoạn từ đầu đường ứng cứu đến K1-từ K1 đến K3+100)	86.425.705	81.011.705	81.011.000	-705
10	Chi phí giám sát gói 3 (đoạn từ đầu ứng cứu đến K1)	511.823.503	478.661.083	475.087.894	-3.573.189
11	Chi phí giám sát gói 4 (đoạn từ K1 đến K3+100)	702.604.823	702.604.000	631.767.043	-70.836.957
12	Chi phí giám sát công tác KS lập DA (HM Bổ sung)	13.427.183	8.656.000	8.656.000	0
13	Chi phí tư vấn khảo sát, thiết kế BVTC, dự toán (hạng mục bổ sung)	486.934.085	486.934.000	486.934.000	0
14	Chi phí tư vấn thẩm tra, KS lập dự án (hạng mục bổ sung)	87.803.777	30.486.000	30.486.000	0
15	Chi phí thẩm tra,TKBVTC - DT (hạng mục bổ sung)		57.317.000	57.317.000	0
16	Chi phí tư vấn lập HSMT, đánh giá hồ sơ DT (Đoạn từ K3+600 - K4+800.)	71.646.265	32.259.000	32.259.000	0
20	<i>Tư vấn trích đo bản đồ hạng mục bổ sung</i>	100.000.000	85.205.070	0	-85.205.070
21	<i>Tư vấn cắm mốc GPMB hạng mục bổ sung</i>	258.336.132	252.487.000	252.487.000	0
22	Chi phí giám sát (hạng mục bổ sung) đoạn K3+100-K3+600	594.838.746	180.828.947	172.432.483	-8.396.464
23	Chi phí giám sát (Đoạn từ K3+600 - K4+800.)		360.608.000	351.857.453	-8.750.547
VI	Chi phí khác	3.319.861.351	2.623.429.142	2.447.484.982	-175.944.160
1	Chi phí đảm bảo giao thông	1.191.150.785	1.191.150.785	1.191.150.785	0

STT	Nội dung chi phí	Dự toán điều chỉnh lần cuối	Giá trị đề nghị quyết toán	Giá trị thẩm tra	Chênh lệch
	+ Đoạn từ đầu đường ứng cứu đến K1	250.426.872	250.426.872	250.426.872	0
	+ Đoạn từ K1 đến K3+100 (Nam Hải)	40.059.708	40.059.708	40.059.708	0
	+ Đoạn từ K1 đến K3+100 (Linh Bình)	861.052.623	861.052.623	861.052.623	0
	+ Đoạn từ K3+100 - K3+600 (Linh Bình)	12.577.812	12.577.812	12.577.812	0
	+ Đoạn từ K3+600 - K4+800 (Hữu Huệ)	27.033.770	27.033.770	27.033.770	0
2	Chi phí thẩm tra thiết kế BVTC - DT	138.584.749	94.502.794	94.502.000	-794
3	Công ty bảo hiểm PVI Thái Nguyên (đoạn từ đầu đường ứng cứu đến K1)	199.411.754	198.799.888	186.002.714	-12.797.174
4	Công ty Bảo Việt Thái Nguyên (đoạn từ K1 đến K3+100)	262.147.892	230.705.061	230.705.000	-61
5	Công ty Bảo Việt Thái Nguyên (hạng mục bổ sung)	63.071.914	63.071.914	63.071.000	-914
6	Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên (lệ phí thẩm định dự án đầu tư)	55.873.878	14.574.682	14.574.000	-682
7	Công ty TNHH kiểm toán Việt Tin (khối lượng thi công năm 2019, 2020)	487.855.660	197.759.000	197.759.000	0
8	Chi phí hạng mục chung	539.705.398	343.081.697	343.081.697	0
	Đoạn từ K1 đến K3+100 (Công ty Linh Bình)		343.081.697	343.081.697	0
9	Phí tài nguyên môi trường	92.276.000	0	0	0
10	Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán	289.783.321	289.783.321	126.638.786	-163.144.535
VII	Chi phí dự phòng	840.435.768	0	0	0

* Đối với chi phí xây lắp, quản lý dự án, tư vấn và chi phí khác thuộc dự án Chủ đầu tư và các nhà thầu có liên quan chịu trách nhiệm về tính chính xác của khối lượng được nghiệm thu để quyết toán, tính phù hợp của đơn giá đã thống nhất ghi trong hợp đồng theo quy định tại Điều 53 Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021 của Chính Phủ.

* Đối với chi phí bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng đã được UBND

thành phố Phổ Yên phê duyệt quyết toán tại Quyết định số 5272/QĐ-UBND ngày 10/7/2024 và số 6822/QĐ-UBND ngày 05/8/2024, Sở Tài chính không thẩm tra lại giá trị đã quyết toán theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 32 Nghị định số 99/2021/NĐ-CP. UBND thành phố Phổ Yên chịu trách nhiệm về giá trị quyết toán chi phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đã phê duyệt.

* Đối với việc sử dụng đất san lấp trong công trình: UBND tỉnh đã giao cho Sở Tài nguyên và Môi trường, Cục thuế tỉnh và Chi cục Thủy lợi triển khai thực hiện tại công văn số 6940/UBND-KT ngày 25/11/2024.

2. Nguồn vốn đầu tư

Đơn vị tính: Đồng

Nội dung	Tổng mức đầu tư được duyệt	Giá trị quyết toán	Vốn đã giải ngân	Số vốn còn phải thanh toán	Số vốn còn phải thu hồi
Tổng số	147.241.000.000	141.195.151.221	140.586.205.656	1.051.998.920	443.053.355
Ngân sách Trung ương hỗ trợ Chương trình nâng cấp hệ thống đê sông	89.641.000.000	89.640.999.978	89.640.999.978	0	0
Ngân sách địa phương		51.554.151.243	50.945.205.678	1.051.998.920	443.053.355
Các nguồn vốn khác	57.600.000.000				

3. Các nội dung đã thực hiện giảm trừ:

3.1. Kết quả thực hiện theo kiến nghị của Thanh tra, Kiểm toán Nhà nước:

- Đến thời điểm thẩm tra, công trình đã được Thanh tra Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Thanh tra Bộ Xây dựng thanh tra và Kiểm toán Nhà nước Khu vực X kiểm toán, tổng giá trị các đơn vị kiến nghị giảm trừ, thu hồi là 1.858.346.935 đồng, trong đó:

+ Thanh tra Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã kiến nghị giảm trừ, thu hồi số tiền là 545.812.942 đồng, trong đó: Gói thầu số 01 là 348.774.461 đồng và Gói thầu số 02 là 197.038.481 đồng.

+ Thanh tra Bộ Xây dựng kiến nghị thu hồi số tiền là 633.837.000 đồng, trong đó: Gói thầu số 01 là 422.794.000 đồng; Gói thầu số 02 là 211.043.000 đồng.

+ Kiểm toán Nhà nước Khu vực X kiến nghị giảm giá trị hợp đồng: 678.696.993 đồng.

- Chủ đầu tư đã giảm trừ giá trị quyết toán theo các kiến nghị là 1.217.965.728 đồng, trong đó: theo kiến nghị của Thanh tra Bộ Kế hoạch và Đầu tư số tiền là 542.762.626 đồng/545.812.942 đồng và theo kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước Khu vực X là 675.203.103 đồng/ 678.696.992 đồng.

- Các nhà thầu đã nộp tiền theo kiến nghị thu hồi của Thanh tra Bộ Xây dựng số tiền là 633.837.000 đồng (có chứng từ nộp tiền ngày 28/5/2018, ngày 19/7/2019 và ngày 30/7/2019).

3.2. Cơ quan thẩm tra quyết toán thực hiện giảm trừ 850.986.890 đồng, trong đó: 6.544.206 đồng giảm trừ theo các kiến nghị của Thanh tra, Kiểm toán do chủ đầu tư chưa thực hiện (Thanh tra Bộ Kế hoạch và Đầu tư là 3.050.316 đồng và Kiểm toán Nhà nước Khu vực X là 3.493.890 đồng) và 844.442.684 đồng cơ quan thẩm tra giảm trừ do điều chỉnh giảm thuế VAT, điều chỉnh giá vật liệu, giảm chi phí tư vấn trích đo bản đồ địa chính hạng mục bổ sung và xác định lại tỷ lệ định mức chi phí theo quy định.

Cụ thể:

- Chi phí xây dựng giảm trừ 495.433.841 đồng, trong đó:

+ Gói thầu số 01 giảm trừ 91.614.454 đồng, lý do: giảm trừ 3.493.890 đồng theo kết luận của Kiểm toán Nhà nước Khu vực X (giảm khối lượng bơm nước hố móng Cống tiêu trước K0 tại cọc 6-7m); giảm trừ 88.057.039 đồng do điều chỉnh giá vật liệu.

+ Gói thầu số 02 giảm trừ 209.265.839 đồng, lý do: giảm 3.050.316 đồng theo Kết luận của Thanh tra Bộ Kế hoạch và Đầu tư (quyết toán A-B trừ thiếu); giảm 105.570.918 đồng do giảm thuế VAT (điều chỉnh thuế VAT 8%); giảm 100.644.605 đồng do điều chỉnh giá vật liệu.

+ Gói xây lắp bổ sung đoạn từ K3+100–K3+600 giảm trừ 194.553.548 đồng do giảm thuế VAT (điều chỉnh thuế VAT 8%).

- Chi phí tư vấn giảm trừ 179.608.851 đồng, trong đó:

+ Chi phí lập dự án đầu tư gói thầu bổ sung giảm trừ 289.453 đồng do xác định lại theo quy định tại Quyết định số 957/QĐ-BXD ngày 29/9/2009 của Bộ Xây dựng.

+ Chi phí lập thiết kế, bản vẽ thi công gói bổ sung đoạn từ đường xóm Trại đến K2+900 giảm 2.059.345 đồng do xác định lại theo quy định tại Quyết định số 957/QĐ-BXD ngày 29/9/2009 của Bộ Xây dựng.

+ Chi phí khảo sát thiết kế bản vẽ thi công và dự toán đoạn từ đầu đường ứng cứu đến K1 giảm 496.867 đồng do xác định lại theo quy định tại Quyết định số 957/QĐ-BXD ngày 29/9/2009 của Bộ Xây dựng.

+ Chi phí giám sát gói 3 (đoạn từ đầu đường ứng cứu đến K1 giảm 3.573.189 đồng do xác định lại theo quy định tại Quyết định số 957/QĐ-BXD ngày 29/9/2009 của Bộ Xây dựng.

+ Chi phí giám sát gói 4 (đoạn từ K1 đến K3+100) giảm 70.836.957 đồng do xác định lại theo quy định tại Quyết định số 957/QĐ-BXD ngày 29/9/2009 của Bộ Xây dựng.

+ Chi phí trích đo bản đồ (hạng mục bổ sung) giảm: 85.205.070 đồng do nhiệm vụ này được sử dụng nguồn kinh phí chi hoạt động kinh tế đối với các nhiệm vụ chỉ về tài nguyên môi trường theo Thông tư số 136/2017/TT-BTC ngày 22/12/2017 của Bộ Tài chính.

+ Chi phí giám sát hạng mục bổ sung đoạn từ K3+100 - K3+600 giảm 8.396.464 đồng do xác định lại theo quy định tại Quyết định số 79/QĐ-BXD ngày 15/02/2017 của Bộ Xây dựng.

+ Chi phí giám sát hạng mục bổ sung đoạn từ K3+600 - K4+800 giảm 8.750.547 đồng do xác định lại theo quy định tại Quyết định số 79/QĐ-BXD ngày 15/02/2017 của Bộ Xây dựng.

+ Một số chi phí tư vấn khác giảm 1.029 đồng do làm tròn số.

- Chi phí khác giảm trừ 175.944.160 đồng, trong đó:

+ Chi phí bảo hiểm đoạn từ đầu đường ứng cứu đến K1 giảm 12.797.174 đồng do xác định lại theo Thông tư số 329/TT-BTC ngày 26/12/2016 của Bộ Tài chính và tỷ lệ theo hợp đồng đã ký kết.

+ Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán giảm 163.144.535 đồng do xác định lại theo Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021 của Chính phủ.

+ Một số chi phí khác giảm 2.451 đồng do làm tròn số.

4. Chi phí đầu tư được phép không tính vào giá trị tài sản: Không

4.1. Chi phí thiệt hại do các nguyên nhân bất khả kháng: Không

4.2. Chi phí không tạo nên tài sản: Không

5. Giá trị tài sản hình thành qua đầu tư:

Nội dung	Giao chủ đầu tư quản lý (đồng)	
	Giá trị thực tế	Giá trị quy đổi
Tổng số	141.195.151.221	
Tài sản cố định	141.195.151.221	

V. Trách nhiệm của chủ đầu tư và các đơn vị liên quan

1. Trách nhiệm của chủ đầu tư:

1.1 Được phép tất toán nguồn và chi phí đầu tư công trình là:

Nguồn vốn	Số tiền (đồng)
Tổng số	141.195.151.221
Ngân sách Trung ương hỗ trợ Chương trình nâng cấp hệ thống đê sông	89.640.999.978
Ngân sách địa phương	51.554.151.243

1.2. Theo dõi, xử lý công nợ đến ngày 22/7/2024:

+ Nợ phải thu: 443.053.355 đồng;

+ Nợ phải trả: 1.051.998.920 đồng.

(có Phụ lục chi tiết kèm theo)

1.3. Thực hiện bàn giao tài sản, hồ sơ công trình theo quy định.

2. Trách nhiệm của đơn vị tiếp nhận tài sản:

- Được phép ghi tăng tài sản:

Tên đơn vị tiếp nhận tài sản	Tài sản cố định (đồng)	Tài sản lưu động (đồng)
Chi cục Thủy lợi	141.195.151.221	
Tuyên Đề Chã	141.195.151.221	

- Thực hiện hạch toán, báo cáo, quản lý tài sản được bàn giao theo quy định của Luật quản lý tài sản công, Luật Kế toán và các văn bản hướng dẫn theo quy định hiện hành.

VI. Nhận xét đánh giá, kiến nghị

1. Việc chấp hành các quy định của Nhà nước về quản lý đầu tư, xây dựng và đấu thầu, công tác quản lý chi phí đầu tư, trách nhiệm của các đơn vị liên quan trong công tác quản lý vốn đầu tư của dự án: Đúng quy định.

2. Kiến nghị về giá trị đề nghị phê duyệt quyết toán, biện pháp giải quyết các tồn tại của dự án sau khi quyết toán: Đề nghị Chi cục Thủy lợi thực hiện các khoản phải thu, phải trả theo giá trị quyết toán được duyệt.

3. Báo cáo kết quả thẩm tra quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành công trình: Cùng cố, nâng cấp tuyến Đê Chã huyện Phổ Yên (nay là thành phố Phổ Yên) (đoạn từ đầu đường ứng cứu đến K3+100) có đầy đủ cơ sở pháp lý và đảm bảo đúng trình tự, thủ tục. Công trình đủ điều kiện phê duyệt quyết toán theo quy định tại Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021 của Chính phủ Quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công.

Giám đốc Sở Tài chính chịu trách nhiệm trước Chủ tịch UBND tỉnh và trước pháp luật về nội dung tham mưu.

Đề nghị Chủ tịch UBND tỉnh xem xét phê duyệt quyết toán vốn đầu tư công trình hoàn thành theo quy định (Có dự thảo quyết định phê duyệt quyết toán kèm theo)./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Chi cục Thủy lợi;
- Lãnh đạo Sở;
- Lưu VT- TCĐT (Loan)

Q. GIÁM ĐỐC

Mai Trọng Tấn